

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Số: 1994/KH-ĐHNLBG-ĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 30 tháng 12 năm 2024

### KẾ HOẠCH

Giảng dạy Học kỳ 2 năm học 2024 - 2025

Các lớp Đại học từ xa và Liên thông Đại học từ xa Khóa 14

#### A - PHÂN BỐ THỜI GIAN CHO HỌC KỲ

- Tổng thời gian: 24 tuần - Bắt đầu học kỳ: 10/02/2024; - Kết thúc học kỳ: 25/07/2025.
- Nghỉ ngày Thống nhất đất nước: 01 ngày - 30/4/2025.

- Nghi Giỗ tổ Hùng Vương: 01 ngày - 07/04/2025.
- Nghỉ ngày Quốc tế lao động: 01 ngày - 01/5/2025.

#### B - KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

##### I - KHOA NÔNG HỌC

##### 1. Lớp DLX-KHCT14A

| STT | Mã học phần | Tên học phần                                | Giảng viên      | Số tín chỉ | Trong đó   |            | Lớp ghép                                                                          | Thời gian giảng dạy                |
|-----|-------------|---------------------------------------------|-----------------|------------|------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|
|     |             |                                             |                 |            | LT         | TH         |                                                                                   |                                    |
| 1   | THN2023     | Tiếng Anh 2                                 | Nguyễn Thị Hoa  | 4          | 30         | 60         | DLX-KHCT14A, DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B, DLX-QLĐĐ14A, 14B | 10/02 - 20/02;<br>03/3 - 11/3/2025 |
| 2   | KHC2048     | Cây rau                                     | Hoàng Thị Mai   | 3          | 30         | 30         | DLX-KHCT14A, 14B                                                                  | 12/3 - 25/3/2025                   |
| 3   | LLC2015     | Chủ nghĩa xã hội khoa học                   | Đinh Thị Loan   | 2          | 23         | 15         | DLX-KHCT14A, 14B, DLX-QLĐĐ14A, 14B, DX-QLĐĐ14A, DLX-CNTP14A                       | 26/3 - 04/4/2025                   |
| 4   | LLC2016     | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam              | Phạm Thị Hằng   | 2          | 23         | 15         | DLX-KHCT14A, 14B, DLX-QLĐĐ14A, 14B, DX-QLĐĐ14A, DLX-CNTP14A                       | 05/4 - 06/4;<br>08/4 - 15/4/2025   |
| 5   | BVT2023     | Côn trùng, bệnh cây đại cương               | Hồ Lệ Quyên     | 4          | 45         | 30         | DLX-KHCT14A, 14B                                                                  | 16/4 - 28/4/2025                   |
| 6   | KHC2010     | Phân bón                                    | Hoàng Thị Mai   | 2          | 23         | 15         | DLX-KHCT14A, 14B                                                                  | 05/5 - 14/5/2025                   |
| 7   | CNS2032     | Di truyền và chọn tạo giống cây trồng       | Hoàng Thị Thao  | 5          | 53         | 45         | DLX-KHCT14A                                                                       | 15/5 - 03/6/2025                   |
| 8   | TNM2033     | Sinh thái môi trường                        | Phan Lê Na      | 2          | 23         | 15         | DLX-KHCT14A, 14B, DLX-QLĐĐ14A, 14B, DX-QLĐĐ14A                                    | 14/6 - 23/6/2025                   |
| 9   | CNS2003     | Vi sinh vật đại cương                       | Chu Thùy Dương  | 3          | 30         | 30         | DLX-KHCT14A                                                                       | 24/6 - 07/7/2025                   |
| 10  | KHC2061     | Phương pháp thí nghiệm và thống kê sinh học | Nguyễn Thị Ngọc | 4          | 30         | 60         | DLX-KHCT14A                                                                       | 08/7 - 27/7/2025                   |
|     |             | <b>Tổng cộng</b>                            |                 | <b>31</b>  | <b>310</b> | <b>315</b> |                                                                                   |                                    |





## 2. Lớp DLX-KHCT14B

| STT | Mã học phần | Tên học phần                        | Giảng viên        | Số tín chỉ | Trong đó   |            | Lớp ghép                                                    | Thời gian giảng dạy                |
|-----|-------------|-------------------------------------|-------------------|------------|------------|------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------|
|     |             |                                     |                   |            | LT         | TH         |                                                             |                                    |
| 1   | KHC2052     | Hoa, cây cảnh và thiết kế cảnh quan | Nguyễn Thị Ngọc   | 3          | 30         | 30         | DLX-KHCT14B                                                 | 10/02 - 20/02;<br>03/3 - 06/3/2025 |
| 2   | KHC2048     | Cây rau                             | Hoàng Thị Mai     | 3          | 30         | 30         | DLX-KHCT14A, 14B                                            | 12/3 - 25/3/2025                   |
| 3   | LLC2015     | Chủ nghĩa xã hội khoa học           | Đinh Thị Loan     | 2          | 23         | 15         | DLX-KHCT14A, 14B, DLX-QLĐĐ14A, 14B, DX-QLĐĐ14A, DLX-CNTP14A | 26/3 - 04/4/2025                   |
| 4   | LLC2016     | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam      | Phạm Thị Hằng     | 2          | 23         | 15         | DLX-KHCT14A, 14B, DLX-QLĐĐ14A, 14B, DX-QLĐĐ14A, DLX-CNTP14A | 05/4 - 06/4;<br>08/4 - 15/4/2025   |
| 5   | BVT2023     | Côn trùng, bệnh cây đại cương       | Hồ Lệ Quyên       | 4          | 45         | 30         | DLX-KHCT14A, 14B                                            | 16/4 - 28/4/2025                   |
| 6   | KHC2010     | Phân bón                            | Hoàng Thị Mai     | 2          | 23         | 15         | DLX-KHCT14A, 14B                                            | 05/5 - 14/5/2025                   |
| 7   | KHC2002     | Sinh lý thực vật                    | Bùi Thị Thu Trang | 3          | 30         | 30         | DLX-KHCT14B                                                 | 15/5 - 28/5/2025                   |
| 8   | KCB2014     | Thực vật học                        | Bùi Thị Thanh Hà  | 2          | 23         | 15         | DLX-KHCT14B                                                 | 29/5 - 07/6/2025                   |
| 9   | KHC2093     | Phương pháp thí nghiệm đồng ruộng   | Nguyễn Thị Ngọc   | 3          | 30         | 30         | DLX-KHCT14B                                                 | 08/6 - 13/6;<br>24/6 - 01/7/2025   |
| 10  | TNM2033     | Sinh thái môi trường                | Phan Lê Na        | 2          | 23         | 15         | DLX-KHCT14A, 14B, DLX-QLĐĐ14A, 14B, DX-QLĐĐ14A              | 14/6 - 23/6/2025                   |
| 11  | KHC2039     | Hóa sinh thực vật                   | Trần Thị Hiền     | 2          | 23         | 15         | DLX-KHCT14B                                                 | 02/7 - 11/7/2025                   |
| 12  | KHC2004     | Khí tượng nông nghiệp               | Nguyễn Tuấn Khôi  | 2          | 23         | 15         | DLX-KHCT14B                                                 | 12/7 - 21/7/2025                   |
|     |             | <b>Tổng cộng</b>                    |                   | <b>30</b>  | <b>326</b> | <b>255</b> |                                                             |                                    |



## II - KHOA CHĂN NUÔI - THÚ Y

## 1. Lớp DLX-CHANNUOI14A

| STT | Mã học phần | Tên học phần                           | Giảng viên            | Số tín chỉ | Trong đó   |            | Lớp ghép                                                                          | Thời gian giảng dạy                |
|-----|-------------|----------------------------------------|-----------------------|------------|------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|
|     |             |                                        |                       |            | LT         | TH         |                                                                                   |                                    |
| 1   | THN2023     | Tiếng Anh 2                            | Nguyễn Thị Hoa        | 4          | 30         | 60         | DLX-KHCT14A, DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B, DLX-QLĐĐ14A, 14B | 10/02 - 20/02;<br>03/3 - 11/3/2025 |
| 2   | THN2019     | Tin học đại cương                      | Lê Thị Phương Huyền   | 3          | 15         | 60         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B, DX-QLĐĐ14A, DLX-CNTP14A       | 12/3 - 25/3/2025                   |
| 3   | KCB2011     | Động vật học                           | Bùi Thị Thanh Hà      | 2          | 23         | 15         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B                                | 26/3 - 04/4/2025                   |
| 4   | CNU2002     | Hóa sinh động vật                      | Dương Thị Vi          | 3          | 30         | 30         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B                                | 05/4 - 06/4;<br>08/4 - 15/4/2025   |
| 6   | KCB2008     | Hóa hữu cơ                             | Nguyễn Thị Hoài Trang | 2          | 23         | 15         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B                                | 16/4 - 25/4/2025                   |
| 7   | CNS2024     | Sinh học phân tử 1                     | Hoàng Thị Thao        | 2          | 23         | 15         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B                                | 26/4 - 29/4;<br>05/5 - 10/5/2025   |
| 8   | KCB2027     | Xác suất - Thống kê                    | Mai Thị Thanh Huyền   | 2          | 23         | 15         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B                                | 11/5 - 20/5/2025                   |
| 9   | THN2022     | Tiếng Anh 1                            | Nguyễn Thị Thúy Lan   | 3          | 15         | 60         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14B, DX-THUY14B, DX-QLĐĐ14A, DLX-CNTP14A                 | 21/5 - 03/6/2025                   |
| 10  | CNU2040     | Sinh lý động vật                       | Nguyễn Thị Huế        | 3          | 30         | 30         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14B                                                      | 04/6 - 17/6/2025                   |
| 11  | CNU2013     | Phương pháp thí nghiệm chăn nuôi       | Đỗ Thị Thu Hường      | 2          | 23         | 15         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14B                                                      | 18/6 - 27/6/2025                   |
| 12  | CNU2064     | Luật chăn nuôi                         | Nguyễn Văn Lưu        | 2          | 23         | 15         | DLX-CHANNUOI14A                                                                   | 28/6 - 07/7/2025                   |
| 13  | CNU2014     | Công nghệ sản xuất thức ăn công nghiệp | Nguyễn Thị Xuân Hồng  | 2          | 23         | 15         | DLX-CHANNUOI14A                                                                   | 08/7 - 17/7/2025                   |
|     |             | <b>Tổng cộng</b>                       |                       | <b>30</b>  | <b>281</b> | <b>345</b> |                                                                                   |                                    |



## 2. Lớp DLX-THUY14A

| STT | Mã học phần | Tên học phần                                              | Giảng viên            | Số tín chỉ | Trong đó   |            | Lớp ghép                                                                          | Thời gian giảng dạy                |
|-----|-------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------|------------|------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|
|     |             |                                                           |                       |            | LT         | TH         |                                                                                   |                                    |
| 1   | THN2023     | Tiếng Anh 2                                               | Nguyễn Thị Hoa        | 4          | 30         | 60         | DLX-KHCT14A, DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B, DLX-QLĐĐ14A, 14B | 10/02 - 20/02;<br>03/3 - 11/3/2025 |
| 2   | THN2019     | Tin học đại cương                                         | Lê Thị Phương Huyền   | 3          | 15         | 60         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B, DX-QLĐĐ14A, DLX-CNTP14A       | 12/3 - 25/3/2025                   |
| 3   | KCB2011     | Động vật học                                              | Bùi Thị Thanh Hà      | 2          | 23         | 15         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B                                | 26/3 - 04/4/2025                   |
| 4   | CNU2002     | Hóa sinh động vật                                         | Dương Thị Vi          | 3          | 30         | 30         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B                                | 05/4 - 06/4;<br>08/4 - 15/4/2025   |
| 5   | KCB2008     | Hóa hữu cơ                                                | Nguyễn Thị Hoài Trang | 2          | 23         | 15         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B                                | 16/4 - 25/4/2025                   |
| 6   | CNS2024     | Sinh học phân tử 1                                        | Hoàng Thị Thao        | 2          | 23         | 15         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B                                | 26/4 - 29/4;<br>05/5 - 10/5/2025   |
| 7   | KCB2027     | Xác suất - Thống kê                                       | Mai Thị Thanh Huyền   | 2          | 23         | 15         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B                                | 11/5 - 20/5/2025                   |
| 8   | THY2014     | Ngoại khoa thú y                                          | Nguyễn Việt Dũng      | 3          | 30         | 30         | DLX-THUY14A                                                                       | 21/5 - 03/6/2025                   |
| 9   | LLC2005     | Tâm lý học đại cương                                      | Nguyễn Thị Diễm       | 2          | 23         | 15         | DLX-THUY14A, DX-THUY14A, DLX-QLĐĐ14A, 14B, DX-QLĐĐ14A, DLX-CNTP14A                | 04/6 - 13/6/2025                   |
| 10  | THY2048     | Độc chất và dược liệu học thú y                           | Trần Thị Trinh        | 4          | 45         | 30         | DLX-THUY14A                                                                       | 14/6 - 27/6/2025                   |
| 11  | THY2043     | Kiểm nghiệm thú sản và vệ sinh an toàn thực phẩm động vật | Nguyễn Thị Hương      | 4          | 45         | 30         | DLX-THUY14A                                                                       | 28/6 - 11/7/2025                   |
|     |             | <b>Tổng cộng</b>                                          |                       | <b>31</b>  | <b>310</b> | <b>315</b> |                                                                                   |                                    |



## 3. Lớp DLX-THUY14B

| STT | Mã học phần | Tên học phần                     | Giảng viên            | Số tín chỉ | Trong đó   |            | Lớp ghép                                                                          | Thời gian giảng dạy                |
|-----|-------------|----------------------------------|-----------------------|------------|------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|
|     |             |                                  |                       |            | LT         | TH         |                                                                                   |                                    |
| 1   | THN2023     | Tiếng Anh 2                      | Nguyễn Thị Hoa        | 4          | 30         | 60         | DLX-KHCT14A, DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B, DLX-QLĐĐ14A, 14B | 10/02 - 20/02;<br>03/3 - 11/3/2025 |
| 2   | THN2019     | Tin học đại cương                | Lê Thị Phương Huyền   | 3          | 15         | 60         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B, DX-QLĐĐ14A, DLX-CNTP14A       | 12/3 - 25/3/2025                   |
| 3   | KCB2011     | Động vật học                     | Bùi Thị Thanh Hà      | 2          | 23         | 15         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B                                | 26/3 - 04/4/2025                   |
| 4   | CNU2002     | Hóa sinh động vật                | Dương Thị Vi          | 3          | 30         | 30         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B                                | 05/4 - 06/4;<br>08/4 - 15/4/2025   |
| 5   | KCB2008     | Hóa hữu cơ                       | Nguyễn Thị Hoài Trang | 2          | 23         | 15         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B                                | 16/4 - 25/4/2025                   |
| 6   | CNS2024     | Sinh học phân tử 1               | Hoàng Thị Thao        | 2          | 23         | 15         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B                                | 26/4 - 29/4;<br>05/5 - 10/5/2025   |
| 7   | KCB2027     | Xác suất - Thống kê              | Mai Thị Thanh Huyền   | 2          | 23         | 15         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B                                | 11/5 - 20/5/2025                   |
| 8   | THN2022     | Tiếng Anh 1                      | Nguyễn Thị Thúy Lan   | 3          | 15         | 60         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14B, DX-THUY14B, DX-QLĐĐ14A, DLX-CNTP14A                 | 21/5 - 03/6/2025                   |
| 9   | CNU2040     | Sinh lý động vật                 | Nguyễn Thị Huế        | 3          | 30         | 30         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14B                                                      | 04/6 - 17/6/2025                   |
| 10  | CNU2013     | Phương pháp thí nghiệm chăn nuôi | Đỗ Thị Thu Hường      | 2          | 23         | 15         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14B                                                      | 18/6 - 27/6/2025                   |
| 11  | THY2015     | Sinh sản gia súc                 | Vũ Thị Hoài Thu       | 3          | 30         | 30         | DLX-THUY14B                                                                       | 28/6 - 11/7/2025                   |
| 12  | THY2010     | Bệnh nội khoa thú y              | Trần Thị Tâm          | 3          | 30         | 30         | DLX-THUY14B                                                                       | 12/7 - 25/7/2025                   |
|     |             | <b>Tổng cộng</b>                 |                       | <b>32</b>  | <b>295</b> | <b>375</b> |                                                                                   |                                    |



## 4. Lớp DX-THUY14A

| STT | Mã học phần | Tên học phần         | Giảng viên            | Số tín chỉ | Trong đó   |            | Lớp ghép                                                                          | Thời gian giảng dạy                |
|-----|-------------|----------------------|-----------------------|------------|------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|
|     |             |                      |                       |            | LT         | TH         |                                                                                   |                                    |
| 1   | THN2023     | Tiếng Anh 2          | Nguyễn Thị Hoa        | 4          | 30         | 60         | DLX-KHCT14A, DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B, DLX-QLĐĐ14A, 14B | 10/02 - 20/02;<br>03/3 - 11/3/2025 |
| 2   | THN2019     | Tin học đại cương    | Lê Thị Phương Huyền   | 3          | 15         | 60         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B, DX-QLĐĐ14A, DLX-CNTP14A       | 12/3 - 25/3/2025                   |
| 3   | KCB2011     | Động vật học         | Bùi Thị Thanh Hà      | 2          | 23         | 15         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B                                | 26/3 - 04/4/2025                   |
| 4   | CNU2002     | Hóa sinh động vật    | Dương Thị Vi          | 3          | 30         | 30         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B                                | 05/4 - 06/4;<br>08/4 - 15/4/2025   |
| 5   | KCB2008     | Hóa hữu cơ           | Nguyễn Thị Hoài Trang | 2          | 23         | 15         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B                                | 16/4 - 25/4/2025                   |
| 6   | CNS2024     | Sinh học phân tử 1   | Hoàng Thị Thao        | 2          | 23         | 15         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B                                | 26/4 - 29/4;<br>05/5 - 10/5/2025   |
| 7   | KCB2027     | Xác suất - Thống kê  | Mai Thị Thanh Huyền   | 2          | 23         | 15         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B                                | 11/5 - 20/5/2025                   |
| 8   | LLC2005     | Tâm lý học đại cương | Nguyễn Thị Diễm       | 2          | 23         | 15         | DLX-THUY14A, DX-THUY14A, DLX-QLĐĐ14A, 14B, DX-QLĐĐ14A, DLX-CNTP14A                | 04/6 - 13/6/2025                   |
|     |             | <b>Tổng cộng</b>     |                       | <b>20</b>  | <b>190</b> | <b>225</b> |                                                                                   |                                    |

## 5. Lớp DX-THUY14B

| STT       | Mã học phần | Tên học phần        | Giảng viên            | Số tín chỉ | Trong đó |     | Lớp ghép                                                                          | Thời gian giảng dạy                |
|-----------|-------------|---------------------|-----------------------|------------|----------|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|
|           |             |                     |                       |            | LT       | TH  |                                                                                   |                                    |
| 1         | THN2023     | Tiếng Anh 2         | Nguyễn Thị Hoa        | 4          | 30       | 60  | DLX-KHCT14A, DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B, DLX-QLĐĐ14A, 14B | 10/02 - 20/02;<br>03/3 - 11/3/2025 |
| 2         | THN2019     | Tin học đại cương   | Lê Thị Phương Huyền   | 3          | 15       | 60  | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B, DX-QLĐĐ14A, DLX-CNTP14A       | 12/3 - 25/3/2025                   |
| 3         | KCB2011     | Động vật học        | Bùi Thị Thanh Hà      | 2          | 23       | 15  | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B                                | 26/3 - 04/4/2025                   |
| 4         | CNU2002     | Hóa sinh động vật   | Dương Thị Vi          | 3          | 30       | 30  | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B                                | 05/4 - 06/4;<br>08/4 - 15/4/2025   |
| 5         | KCB2008     | Hóa hữu cơ          | Nguyễn Thị Hoài Trang | 2          | 23       | 15  | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B                                | 16/4 - 25/4/2025                   |
| 6         | CNS2024     | Sinh học phân tử 1  | Hoàng Thị Thao        | 2          | 23       | 15  | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B                                | 26/4 - 29/4;<br>05/5 - 10/5/2025   |
| 7         | KCB2027     | Xác suất - Thống kê | Mai Thị Thanh Huyền   | 2          | 23       | 15  | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B                                | 11/5 - 20/5/2025                   |
| 8         | THN2022     | Tiếng Anh 1         | Nguyễn Thị Thúy Lan   | 3          | 15       | 60  | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14B, DX-THUY14B, DX-QLĐĐ14A, DLX-CNTP14A                 | 21/5 - 03/6/2025                   |
| Tổng cộng |             |                     |                       | 21         | 182      | 270 |                                                                                   |                                    |



## III - KHOA TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

## 1. Lớp DLX-QLĐĐ14A

| STT | Mã học phần | Tên học phần                   | Giảng viên            | Số tín chỉ | Trong đó   |            | Lớp ghép                                                                          | Thời gian giảng dạy                |
|-----|-------------|--------------------------------|-----------------------|------------|------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|
|     |             |                                |                       |            | LT         | TH         |                                                                                   |                                    |
| 1   | THN2023     | Tiếng Anh 2                    | Nguyễn Thị Hoa        | 4          | 30         | 60         | DLX-KHCT14A, DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B, DLX-QLĐĐ14A, 14B | 10/02 - 20/02;<br>03/3 - 11/3/2025 |
| 2   | QLD2024     | Giao đất, thu hồi đất          | Lê Thị Hương Thúy     | 3          | 30         | 30         | DLX-QLĐĐ14A, 14B                                                                  | 12/3 - 25/3/2025                   |
| 3   | LLC2015     | Chủ nghĩa xã hội khoa học      | Đinh Thị Loan         | 2          | 23         | 15         | DLX-KHCT14A, 14B, DLX-QLĐĐ14A, 14B, DX-QLĐĐ14A, DLX-CNTP14A                       | 26/3 - 04/4/2025                   |
| 4   | LLC2016     | Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam | Phạm Thị Hằng         | 2          | 23         | 15         | DLX-KHCT14A, 14B, DLX-QLĐĐ14A, 14B, DX-QLĐĐ14A, DLX-CNTP14A                       | 05/4 - 06/4;<br>08/4 - 15/4/2025   |
| 5   | TNM2004     | Môi trường và con người        | Đinh Thị Thu Trang    | 2          | 23         | 15         | DLX-QLĐĐ14A, 14B                                                                  | 16/4 - 25/4/2025                   |
| 6   | QLD2029     | Quy hoạch cảnh quan            | Trần Thị Hiền         | 2          | 23         | 15         | DLX-QLĐĐ14A, 14B                                                                  | 26/4 - 29/4;<br>05/5 - 10/5/2025   |
| 7   | KCB2007     | Hóa học đại cương              | Nguyễn Thị Hoài Trang | 2          | 23         | 15         | DLX-QLĐĐ14A, 14B, DX-QLĐĐ14A                                                      | 11/5 - 20/5/2025                   |
| 8   | QLD2004     | Trắc địa cơ sở 2               | Trần Văn Hải          | 4          | 30         | 60         | DLX-QLĐĐ14A                                                                       | 21/5 - 03/6;<br>08/7 - 13/7/2025   |
| 9   | LLC2005     | Tâm lý học đại cương           | Nguyễn Thị Diễm       | 2          | 23         | 15         | DLX-THUY14A, DX-THUY14A, DLX-QLĐĐ14A, 14B, DX-QLĐĐ14A, DLX-CNTP14A                | 04/6 - 13/6/2025                   |
| 10  | TNM2033     | Sinh thái môi trường           | Phan Lê Na            | 2          | 23         | 15         | DLX-KHCT14A, 14B, DLX-QLĐĐ14A, 14B, DX-QLĐĐ14A                                    | 14/6 - 23/6/2025                   |
| 11  | QLD2036     | Luật và Chính sách đất đai     | Phạm Quốc Thắng       | 4          | 45         | 30         | DLX-QLĐĐ14A, 14B                                                                  | 24/6 - 07/7/2025                   |
|     |             | <b>Tổng cộng</b>               |                       | <b>29</b>  | <b>296</b> | <b>285</b> |                                                                                   |                                    |



## 2. Lớp DLX-QLĐĐ14B

| STT       | Mã học phần | Tên học phần                   | Giảng viên            | Số tín chỉ | Trong đó |     | Lớp ghép                                                                          | Thời gian giảng dạy                |
|-----------|-------------|--------------------------------|-----------------------|------------|----------|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|
|           |             |                                |                       |            | LT       | TH  |                                                                                   |                                    |
| 1         | THN2023     | Tiếng Anh 2                    | Nguyễn Thị Hoa        | 4          | 30       | 60  | DLX-KHCT14A, DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B, DLX-QLĐĐ14A, 14B | 10/02 - 20/02;<br>03/3 - 11/3/2025 |
| 2         | QLD2024     | Giao đất, thu hồi đất          | Lê Thị Hương Thúy     | 3          | 30       | 30  | DLX-QLĐĐ14A, 14B                                                                  | 12/3 - 25/3/2025                   |
| 3         | LLC2015     | Chủ nghĩa xã hội khoa học      | Đinh Thị Loan         | 2          | 23       | 15  | DLX-KHCT14A, 14B, DLX-QLĐĐ14A, 14B, DX-QLĐĐ14A, DLX-CNTP14A                       | 26/3 - 04/4/2025                   |
| 4         | LLC2016     | Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam | Phạm Thị Hằng         | 2          | 23       | 15  | DLX-KHCT14A, 14B, DLX-QLĐĐ14A, 14B, DX-QLĐĐ14A, DLX-CNTP14A                       | 05/4 - 06/4;<br>08/4 - 15/4/2025   |
| 5         | TNM2004     | Môi trường và con người        | Đinh Thị Thu Trang    | 2          | 23       | 15  | DLX-QLĐĐ14A, 14B                                                                  | 16/4 - 25/4/2025                   |
| 6         | QLD2029     | Quy hoạch cảnh quan            | Trần Thị Hiền         | 2          | 23       | 15  | DLX-QLĐĐ14A, 14B                                                                  | 26/4 - 29/4;<br>05/5 - 10/5/2025   |
| 7         | KCB2007     | Hóa học đại cương              | Nguyễn Thị Hoài Trang | 2          | 23       | 15  | DLX-QLĐĐ14A, 14B, DX-QLĐĐ14A                                                      | 11/5 - 20/5/2025                   |
| 8         | LLC2005     | Tâm lý học đại cương           | Nguyễn Thị Diễm       | 2          | 23       | 15  | DLX-THUY14A, DX-THUY14A, DLX-QLĐĐ14A, 14B, DX-QLĐĐ14A, DLX-CNTP14A                | 04/6 - 13/6/2025                   |
| 9         | TNM2033     | Sinh thái môi trường           | Phan Lê Na            | 2          | 23       | 15  | DLX-KHCT14A, 14B, DLX-QLĐĐ14A, 14B, DX-QLĐĐ14A                                    | 14/6 - 23/6/2025                   |
| 10        | QLD2036     | Luật và Chính sách đất đai     | Phạm Quốc Thăng       | 4          | 45       | 30  | DLX-QLĐĐ14A, 14B                                                                  | 24/6 - 07/7/2025                   |
| 11        | QLD2060     | Trắc địa cơ sở 1               | Trần Văn Hải          | 3          | 30       | 30  | DLX-QLĐĐ14B, DX-QLĐĐ14A                                                           | 08/7 - 21/7/2025                   |
| Tổng cộng |             |                                |                       | 28         | 296      | 255 |                                                                                   |                                    |



## 2. Lớp DX-QLĐĐ14A

| STT | Mã học phần | Tên học phần                   | Giảng viên            | Số tín chỉ | Trong đó   |            | Lớp ghép                                                                    | Thời gian giảng dạy              |
|-----|-------------|--------------------------------|-----------------------|------------|------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
|     |             |                                |                       |            | LT         | TH         |                                                                             |                                  |
| 1   | THN2019     | Tin học đại cương              | Lê Thị Phương Huyền   | 3          | 15         | 60         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B, DX-QLĐĐ14A, DLX-CNTP14A | 12/3 - 25/3/2025                 |
| 2   | LLC2015     | Chủ nghĩa xã hội khoa học      | Đinh Thị Loan         | 2          | 23         | 15         | DLX-KHCT14A, 14B, DLX-QLĐĐ14A, 14B, DX-QLĐĐ14A, DLX-CNTP14A                 | 26/3 - 04/4/2025                 |
| 3   | LLC2016     | Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam | Phạm Thị Hằng         | 2          | 23         | 15         | DLX-KHCT14A, 14B, DLX-QLĐĐ14A, 14B, DX-QLĐĐ14A, DLX-CNTP14A                 | 05/4 - 06/4;<br>08/4 - 15/4/2025 |
| 4   | KCB2007     | Hóa học đại cương              | Nguyễn Thị Hoài Trang | 2          | 23         | 15         | DLX-QLĐĐ14A, 14B, DX-QLĐĐ14A                                                | 11/5 - 20/5/2025                 |
| 5   | THN2022     | Tiếng Anh 1                    | Nguyễn Thị Thúy Lan   | 3          | 15         | 60         | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14B, DX-THUY14B, DX-QLĐĐ14A, DLX-CNTP14A           | 21/5 - 03/6/2025                 |
| 6   | LLC2005     | Tâm lý học đại cương           | Nguyễn Thị Diễm       | 2          | 23         | 15         | DLX-THUY14A, DX-THUY14A, DLX-QLĐĐ14A, 14B, DX-QLĐĐ14A, DLX-CNTP14A          | 04/6 - 13/6/2025                 |
| 7   | TNM2033     | Sinh thái môi trường           | Phan Lê Na            | 2          | 23         | 15         | DLX-KHCT14A, 14B, DLX-QLĐĐ14A, 14B, DX-QLĐĐ14A                              | 14/6 - 23/6/2025                 |
| 8   | QLD2060     | Trắc địa cơ sở 1               | Trần Văn Hải          | 3          | 30         | 30         | DLX-QLĐĐ14B, DX-QLĐĐ14A                                                     | 08/7 - 21/7/2025                 |
|     |             | <b>Tổng cộng</b>               |                       | <b>19</b>  | <b>175</b> | <b>225</b> |                                                                             |                                  |



## IV - KHOA CƠ ĐIỆN VÀ CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

## 1. DLX-CNTP14A

| STT       | Mã học phần | Tên học phần                                          | Giảng viên          | Số tín chỉ | Trong đó |     | Lớp ghép                                                                    | Thời gian giảng dạy              |
|-----------|-------------|-------------------------------------------------------|---------------------|------------|----------|-----|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
|           |             |                                                       |                     |            | LT       | TH  |                                                                             |                                  |
| 1         | CNT2011     | Vật lý học thực phẩm                                  | Nguyễn Đà Giang     | 2          | 23       | 15  | DLX-CNTP14A                                                                 | 10/02 - 19/02/2025               |
| 2         | KCB2019     | Điện kỹ thuật                                         | Tổng Hải Yến        | 2          | 23       | 15  | DLX-CNTP14A                                                                 | 03/3 - 11/3/2025                 |
| 3         | THN2019     | Tin học đại cương                                     | Lê Thị Phương Huyền | 3          | 15       | 60  | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14A, 14B, DX-THUY14A, 14B, DX-QLĐĐ14A, DLX-CNTP14A | 12/3 - 25/3/2025                 |
| 4         | LLC2015     | Chủ nghĩa xã hội khoa học                             | Đinh Thị Loan       | 2          | 23       | 15  | DLX-KHCT14A, 14B, DLX-QLĐĐ14A, 14B, DX-QLĐĐ14A, DLX-CNTP14A                 | 26/3 - 04/4/2025                 |
| 5         | LLC2016     | Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam                        | Phạm Thị Hằng       | 2          | 23       | 15  | DLX-KHCT14A, 14B, DLX-QLĐĐ14A, 14B, DX-QLĐĐ14A, DLX-CNTP14A                 | 05/4 - 06/4;<br>08/4 - 15/4/2025 |
| 6         | QTK2035     | Quản trị học                                          | Nguyễn Thị Dung     | 3          | 30       | 30  | DLX-CNTP14A                                                                 | 16/4 - 29/4/2025                 |
| 7         | CNT2070     | Quản lý và kiểm tra chất lượng thực phẩm              | Đào Thị Vân Anh     | 4          | 45       | 30  | DLX-CNTP14A                                                                 | 05/5 - 20/5/2025                 |
| 8         | THN2022     | Tiếng Anh 1                                           | Nguyễn Thị Thúy Lan | 3          | 15       | 60  | DLX-CHANNUOI14A, DLX-THUY14B, DX-THUY14B, DX-QLĐĐ14A, DLX-CNTP14A           | 21/5 - 03/6/2025                 |
| 9         | LLC2005     | Tâm lý học đại cương                                  | Nguyễn Thị Diễm     | 2          | 23       | 15  | DLX-THUY14A, DX-THUY14A, DLX-QLĐĐ14A, 14B, DX-QLĐĐ14A, DLX-CNTP14A          | 04/6 - 13/6/2025                 |
| 10        | CNT2024     | Công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa         | Nguyễn Văn Lục      | 2          | 23       | 15  | DLX-CNTP14A                                                                 | 14/6 - 23/6/2025                 |
| 11        | CNT2050     | Tự động hóa các quá trình công nghệ                   | Nguyễn Văn Quang    | 3          | 30       | 30  | DLX-CNTP14A                                                                 | 24/6 - 07/7/2025                 |
| 12        | CNT2049     | Kỹ thuật xử lý môi trường trong công nghiệp thực phẩm | Vũ Kiều Sâm         | 2          | 23       | 15  | DLX-CNTP14A                                                                 | 08/7 - 17/7/2025                 |
| Tổng cộng |             |                                                       |                     | 30         | 296      | 315 |                                                                             |                                  |

Nơi nhận:

- BGH, CT HĐT;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc trường;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG,

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Mai Thị Huyền